

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Chuẩn đầu ra trình độ đại học đối với các Chương trình đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các Trường Đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định 1795/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, nhiệm kỳ 2020 – 2025 ngày 27 tháng 4 năm 2020;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Khảo thí, Bảo đảm chất lượng giáo dục, Thanh tra và Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Chuẩn đầu ra trình độ đại học đối với 28 Chương trình đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế. Nội dung của từng Chuẩn đầu ra được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chuẩn đầu ra quy định về các yêu cầu đối với người học phải đạt được khi tốt nghiệp, bao gồm: Nội dung về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra là bản cam kết của Nhà trường trước xã hội và là cơ sở để sửa

đổi, bổ sung, hoàn thiện các Chương trình đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế; cải tiến và đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá trong quá trình đào tạo.

Điều 3. Chuẩn đầu ra của 28 Chương trình đào tạo tại Điều 1 được công bố công khai tại địa chỉ: <https://huaf.edu.vn> và <http://daotao.huaf.edu.vn>.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban ĐT&CTSV ĐHH;
- HĐT, BGH;
- Lưu: VT, ĐT&CTSV;
KT, BDCLGD, TT&PC.



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): **Kỹ thuật cơ sở hạ tầng**
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): **Infrastructure Engineering**
3. Trình độ đào tạo: **Đại học**
4. Mã ngành đào tạo: **7580210**
5. Đối tượng tuyển sinh: **Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo**
6. Thời gian đào tạo: **4,5 năm**
7. Loại hình đào tạo: **Chính quy**
8. Khối lượng kiến thức toàn khóa: **158 tín chỉ**
9. Văn bằng tốt nghiệp: **Kỹ sư**

B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

I. Mục tiêu đào tạo

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng nhằm mục tiêu đào tạo nguồn kỹ sư xây dựng có kiến thức chuyên môn sâu rộng, kỹ năng nghề nghiệp thành thạo, năng lực tự chủ và trách nhiệm đúng đắn trong hoạt động nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức và có sức khỏe tốt, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho kỹ sư xây dựng những kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức nghề nghiệp trong lập quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thiết kế công trình hạ tầng, quản lý dự án, tổ chức thi công xây dựng công trình hạ tầng, tư vấn, phân tích và xử lý các vấn đề chuyên môn sâu rộng.

Kỹ năng: Chương trình đào tạo trang bị kỹ năng nghề nghiệp về vận dụng các kiến thức khoa học, đọc và phân tích các bản vẽ kỹ thuật xây dựng, sử dụng phần mềm công nghệ thông tin chuyên ngành, vận dụng kiến thức nghề nghiệp để thực hiện các công tác quy hoạch, thiết kế, thi công, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng, phân tích, đánh giá, xử lý vấn đề kỹ thuật và các kỹ năng mềm liên quan đến giao tiếp, thuyết trình, quản lý, lãnh đạo và khởi nghiệp.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chương trình đào tạo năng lực tự chủ và trách nhiệm với cá nhân, xã hội và nghề nghiệp trong thực tiễn như trách nhiệm công dân;

Vu/

làm việc độc lập; thích nghi môi trường làm việc; đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

II. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1. Kiến thức (PLO1)

- **PLO1.1.** Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật; Giáo dục thể chất (chứng chỉ); Quốc phòng - An ninh (chứng chỉ); Công nghệ thông tin (chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản) vào công việc thực tiễn của một kỹ sư ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng.

- **PLO1.2.** Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và môi trường làm nền tảng công cụ để giải quyết các vấn đề trong công việc thực tiễn của kỹ sư ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng một cách khoa học và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thời đại công nghiệp 4.0.

- **PLO1.3.** Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành làm nền tảng cho phân tích, tính toán các vấn đề chuyên môn và tự động hóa trong thiết kế, lập bản vẽ kỹ thuật.

- **PLO1.4.** Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để lập quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc cảnh quan đô thị.

- **PLO1.5.** Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để tính toán, thiết kế các công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- **PLO1.6.** Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để quản lý dự án, tổ chức thi công các công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- **PLO1.7.** Áp dụng được kiến thức chuyên ngành trong tư vấn các vấn đề chuyên môn về công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

2. Kỹ năng (PLO2)

- **PLO2.1.** Có kỹ năng xác định, lựa chọn các giải pháp giải quyết và cải thiện các vấn đề liên quan đến công việc thực tiễn ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng một cách phù hợp;

- **PLO2.2.** Có kỹ năng xây dựng đề cương, thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực chuyên môn; phân tích dữ liệu, diễn giải và truyền đạt các kết quả thực hiện, đánh giá chất lượng và hiệu quả công việc.

- **PLO2.3.** Có kỹ năng tạo ra ý tưởng, phát triển khởi nghiệp như một chủ doanh nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong môi trường nghề nghiệp luôn thay đổi.

- **PLO2.4.** Có năng lực bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Chứng chỉ B1 tiếng Anh hoặc tương đương).

PLO2.5. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản làm cơ sở cho phân tích và tính toán các vấn đề chuyên môn.

Vina/

PLO.2.6. Có kỹ năng vận dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn như lập và triển khai các bản vẽ kỹ thuật xây dựng.

PLO.2.7. Có kỹ năng vận dụng kiến thức nghề nghiệp để thực hiện các công tác quy hoạch, thiết kế, định giá, thi công và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng.

3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLO3)

- **PLO3.1.** Thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội của một công dân trong thể chế đang sống và làm việc với bối cảnh toàn cầu hoá.

- **PLO3.2.** Thực hiện làm việc, học tập một cách độc lập hoặc theo nhóm, hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả trong bối cảnh thay đổi thường xuyên của công việc.

- **PLO3.3.** Thực hành được các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của một kỹ sư ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng.

- **PLO3.4.** Thực hiện tốt và có trách nhiệm đối với các vấn đề chuyên môn Kỹ thuật cơ sở hạ tầng.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực xây dựng công trình hạ tầng để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ).

IV. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Các cơ quan từ trung ương đến địa phương liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình từ Bộ, Cục, Vụ, Viện,... ở Trung ương đến các Sở, Ban, ngành,... tại địa phương về đầu tư xây dựng công trình.

- Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh về quy hoạch, khảo sát, thiết kế, thi công công trình, vật liệu xây dựng.

- Các trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu về xây dựng.

- Các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình.

- Những vị trí việc làm khác tùy theo năng lực cá nhân.

Vu/

